TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 264/2018/QĐST-DS	*Gò Vấp, ngày 27 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 818/2014/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2014.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự

Nguyên đơn: Ông Lê Văn P, sinh năm 1964; địa chỉ: 5582L Tổ 93 Ấp A, xã B huyện C, Thành phố D.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hồ Sỹ P, sinh năm 1983; địa chỉ: 23/1B Tô Ký, ấp A1, xã B, huyện C. (Theo Giấy ủy quyền ngày 31/10/2014)

Bị đơn: Bà Lê Thị C, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 745/117/10 (số cũ 61/415A) đường QA, Phường B, quận C, Thành phố D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị B, sinh năm 1953; địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện C, Thành phố H.

2. Bà Tô Thị P, sinh năm 1957; địa chỉ: Số 87 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố H.

3. Ông Lê Hồng L, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 87 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố H.

4. Ông Lê Quốc P, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 87 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố H.

5. Bà Trần Thị Thanh L, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 745/117/10 (số cũ 61/415A) đường QA, Phường B, quận C, Thành phố D.

6. Ông Lê Bình Vũ L, sinh năm 1996; địa chỉ: Số 745/117/10 (số cũ 61/415A) đường QA, Phường B, quận C, Thành phố D.

7. Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 745/117/10 (số cũ 61/415A) đường QA, Phường B, quận C, Thành phố D.

8. Ông Võ Văn H, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 745/117/10 (số cũ 61/415A) đường QA, Phường B, quận C, Thành phố D.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nhà đất số 745/117/10 đường Quang Trung (thuộc thửa đất số 07, tờ bản đồ số 242), Phường 12, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của ông Lê Văn M(chết năm 1972) và bà Nguyễn Phi Đ (chết năm 2005).

Các đương sự thống nhất hàng thừa kế của ông Miếng và bà Đô là: Ông Lê Văn P, Bà Lê Thị C, Bà Lê Thị B, ông Lê Văn T(hàng thừa kế là Bà Tô Thị P, ông Lê Hồng L, ông Lê Quốc P), ông Lê Văn Bình (hàng thừa kế là bà Trần Thị Thanh L và ông Lê Bình Vũ L).

Các đương sự thống nhất giá trị toàn bộ thửa đất và căn nhà là 6.880.107.540 (Sáu tỷ tám trăm tám mươi triệu một trăm lẻ bảy ngàn năm trăm bốn mươi) đồng theo biên bản định giá ngày 30/6/2017.

Ông P, bà C, bà B, bà P, ông L, ông P, bà L, ông L thống nhất phương án chia thừa kế như sau:

Các bên thống nhất phương án chia theo bản vẽ sơ đồ nhà đất do Công ty TNHH đo đạc thiết kế xây dựng Việt Long đo vẽ ngày 15/02/2017 (đính kèm theo quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự)

Phần phân chia 1b có diện tích đất là 107 m^2 trong đó phần nhà có diện tích xây dựng là 66,7 m^2 là phần diện tích chung do các ông bà P, C, L, L, Bằng, P, L, P là đồng sở hữu và sẽ do Ông Lê Văn P đứng tên đại diện đồng sở hữu.

Bà Lê Thị C được trọn quyền sử dụng phần đất có diện tích là 226,5 m^2 (phần phân chia 2), phần nhà có diện tích xây dựng là 148,1 m^2 (diện tích xây dựng 2a là 92,3 m^2, diện tích xây dựng 2b là 14,4 m^2, diện tích xây dựng 2c là 41,4 m^2).

Bà Lê Thị B được trọn quyền sử dụng phần đất phân chia 3 có diện tích đất là 57,6 m^2 (đất trống).

Bà Tô Thị P, ông Lê Hồng L, ông Lê Quốc P được trọn quyền sử dụng đất phân chia 4 có diện tích là 56,8 m^2 (đất trống).

Bà Trần Thị Thanh L, ông Lê Bình Vũ L được trọn quyền sử dụng phần đất phân chia 5 có diện tích là 55,4 m^2 (đất trống).

Ông Lê Văn P được trọn quyền sử dụng phần đất phân chia 6 có diện tích đất là 54,8 m^2 (đất trống).

Các ông bà P, C, B, P, L, P, L, L cam kết chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý đất đai của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục để hợp thức hóa quyền sử dụng đất và thực hiện các nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí… theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà C chịu án phí dân sự sơ thẩm là 38.986.233 đồng;

- Ông P chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.131.110 đồng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai số 2470 ngày 14/11/2014. Ông Phong phải nộp thêm 13.631.110 đồng.

- Bà B chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.650.364 đồng.

- Bà L và ông L chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.242.379 đồng;

- Bà P, ông L và ông P chịu 16.502.005 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :
-VKSND quận Gò Vấp;
-Các đương sự;
(*đính kèm bản vẽ*)
-Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Minh Loan